TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2023
"*Tranh chấp về ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh.
Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 195/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972. Có mặt
Địa chỉ: Ấp VM, xã VT, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1968. Có mặt
Địa chỉ: Ấp MH, xã VT, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Vào năm 1991, chị và anh Nguyễn Văn B tìm hiểu, quen biết và tiến tới kết hôn với nhau. Hôn nhân do anh chị tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng chị và anh Nguyễn Văn B không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi cưới, chị và anh Nguyễn Văn B chung sống với nhau hạnh phúc cho đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là không có tiếng nói chung, không hợp nhau, chị và anh B thường hay cải nhau và anh B nhiều lần đánh chị, từ đó làm cho tình cảm bị rạn nứt và không còn niềm tin với nhau và hiện nay anh B đã có người phụ nữ khác; sự việc mâu thuẫn này đã được cha mẹ biết và khuyên bảo nhưng anh chị

vẫn tiếp tục mâu thuẫn. Nay, chị nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Quá trình chung sống, vợ chồng có được 03 con chung tên là Nguyễn Thị Cc (giới tính nữ), sinh ngày 03/7/1993, Nguyễn Thanh Ph (giới tính nam), sinh năm 23/02/1995 và Nguyễn Văn Lh (giới tính nam), sinh năm 18/5/2000, hiện nay các cháu đã trưởng thành, tự lo cho bản thân được nên chị không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung: Chị và anh B đã tự thỏa thuận xong và không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ chung: Chị xác định không có nợ ai và không ai nợ anh chị.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày: Qua thời quen biết tìm hiểu đến năm 1991 anh và chị Nguyễn Thị Th tiến đến cưới nhau và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Anh và chị Nguyễn Thị Th chung sống có hạnh phúc được 27 năm thì xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do không có tiếng nói chung, không hợp nhau, anh chị thường hay cải nhau và đánh nhau nhiều lần, từ đó tình cảm vợ chồng không còn và không còn tin tưởng nhau; sự việc mâu thuẫn này đã được mẹ vợ khuyên bảo nhưng anh chị không thể hàn gắn lại được, đến nay anh chị không còn quan tâm lẫn nhau. Nay, chị Nguyễn Thị Th xin ly hôn thì anh hoàn toàn thống nhất ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung thì anh thống nhất lời trình bày của chị Nguyễn Thị Th và không trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Nguyễn Thị Th khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn B được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn B xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 1991, hôn nhân do anh chị tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống cho đến nay anh chị cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn là đã vi phạm quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh chị đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau nhưng do hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp, tại thời điểm xét xử Luật Hôn nhân và gia đình đã được sửa đổi, bổ sung nên theo Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nghĩ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân của anh, chị là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn B có được 03 con chung tên là Nguyễn Thị Cc (giới tính nữ), sinh ngày 03/7/1993, Nguyễn Thanh Ph (giới tính nam), sinh năm 23/02/1995 và Nguyễn Văn Lh (giới tính nam), sinh năm 18/5/2000, đều đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn B xác định anh chị đã tự thỏa thuận về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn B xác định anh chị không có nợ ai và không ai nợ anh chị.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ chị Nguyễn Thị Th phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn B là quan hệ vợ chồng.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006798, ngày 27/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Thêm đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (là ngày 29/6/2023).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND xã Vĩnh Tuy;
- UBND xã Vĩnh Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tôn